

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Mẫu số 09

Kèm theo Giấy rút dư toán/Ủy nhiệm chi số: RDT2024/ 851 ngày 01 tháng 11 năm 2024  
và Giấy rút dư toán số: RDT2024/163, 164 ngày 01 tháng 11 năm 2024

Mã hiệu: .....  
Số: .....

Tài khoản dự toán

Tài khoản tiền gửi:

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Trung học Phổ thông Tiều La
- Mã đơn vị: 1009977
- Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Tài khoản: 8670 034 642, mở tại NH BIDV CN Quảng Nam

(Đơn vị: Đồng)

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng			Tổng số	Trong đó:						Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng			Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I.	Tổng số			1.044.250.167	1.044.250.167	0	0	0	0	0	0	
1.	Đổi với công chức, viên chức	8800044099	BIDV CN Quảng Nam	1.044.250.167	1.044.250.167	0	0	0	0	0	0	
1	Bùi Cao Văn	8813386876	BIDV CN Quảng Nam	19.484.459	19.484.459							
2	Nguyễn Tân Lương	8813386876	BIDV CN Quảng Nam	20.322.461	20.322.461							
3	Nguyễn Việt Trung	8843386877	BIDV CN Quảng Nam	17.034.351	17.034.351							
4	Lê Văn Đức	8863386878	BIDV CN Quảng Nam	17.030.959	17.030.959							
5	Liên Thị Thu	8883386879	BIDV CN Quảng Nam	16.062.146	16.062.146							
6	Phan Thị Tình	8863386880	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
7	Võ Thị Thúy Nga	8893386881	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
8	Nguyễn Thị Dương	8813386882	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
9	Phạm Thị Bích Nga	8833386883	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
10	Nguyễn Thị Toàn	8863386884	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
11	Nguyễn Thị Vân	8883386885	BIDV CN Quảng Nam	13.799.017	13.799.017							
12	Nguyễn Hữu Phúc	8833386887	BIDV CN Quảng Nam	14.950.494	14.950.494							
13	Hồ Trần Thị Bảo Chuyên	4203215037358	Agribank Thăng Bình	12.410.676	12.410.676							
14	Ngô Thị Lành	8873386889	BIDV CN Quảng Nam	11.460.880	11.460.880							
15	Cao Thị Cúc	5625592359	BIDV CN Quảng Nam	13.889.491	13.889.491							
16	Trần Ngọc Nhỏ	8853386890	BIDV CN Quảng Nam	17.967.172	17.967.172							
17	Nông Thị Oanh	8883386891	BIDV CN Quảng Nam	8.891.532	8.891.532							
18	Nguyễn Thị Thanh Cúc	8803386892	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
19	Trương Thị Hương	8823386893	BIDV CN Quảng Nam	17.495.741	17.495.741							
20	Nguyễn Thị Thu Hà	8853386894	BIDV CN Quảng Nam	16.428.681	16.428.681							
21	Nguyễn Việt Quang	8800048099	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
22	Huyền Văn Chung	8873386895	BIDV CN Quảng Nam	14.278.150	14.278.150							
23	Nguyễn Thị Nga	8893386896	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
24	Thái Ngọc Đới	8823386897	BIDV CN Quảng Nam	20.743.073	20.743.073							
25	Nguyễn Văn Phú	8843386898	BIDV CN Quảng Nam	17.362.946	17.362.946							
26	Phan Thị Phu	8863386899	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
27	Nguyễn Tiên Vinh	8813386900	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							



*[Handwritten signature]*

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương	Trong đó:					Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng			Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán		Tiền học bổng
28	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	88433386901	BIDV CN Quảng Nam	12.494.238	12.494.238							
29	Nguyễn Đức Hiền	88633386902	BIDV CN Quảng Nam	15.047.879	15.047.879							
30	Hồ Thị Hoài Hương	88833386903	BIDV CN Quảng Nam	15.633.821	15.633.821							
31	Mai Thị Trúc Hà	8842927965	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
32	Hồ Thị Thu Thủy	88133386904	BIDV CN Quảng Nam	16.665.772	16.665.772							
33	Đinh Văn Tú	88333386905	BIDV CN Quảng Nam	15.299.572	15.299.572							
34	Trương Minh Hà	8803341317	BIDV CN Quảng Nam	13.799.017	13.799.017							
35	Nguyễn Thông	88533386906	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
36	Hoàng Thị Kim Thi	88833386907	BIDV CN Quảng Nam	12.494.238	12.494.238							
37	Nguyễn Thùy Diệu Anh	88033386908	BIDV CN Quảng Nam	6.543.342	6.543.342							
38	Đỗ Quốc Thiên Trang	88233386909	BIDV CN Quảng Nam	8.051.121	8.051.121							
39	Vân Thị Bé	88033386910	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
40	Phan Thị Mây	88333386911	BIDV CN Quảng Nam	17.163.754	17.163.754							
41	Trương Thị Hồng Minh	88533386912	BIDV CN Quảng Nam	16.428.681	16.428.681							
42	Trần Thị Thu Thảo	88733386913	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
43	Đoàn Thị Kim Hoa	88033386914	BIDV CN Quảng Nam	11.077.623	11.077.623							
44	Nguyễn Ngọc Đinh	88233386915	BIDV CN Quảng Nam	12.327.113	12.327.113							
45	Phan Châu Niêm	88433386916	BIDV CN Quảng Nam	19.616.052	19.616.052							
46	Hồ Xuân Sơn	88333333793	BIDV CN Quảng Nam	15.633.821	15.633.821							
47	Vương Chí Sĩ	88733386917	BIDV CN Quảng Nam	17.130.681	17.130.681							
48	Nguyễn Tuy	88033386918	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
49	Phan Thị Lê Mỹ	88133386919	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
50	Nguyễn Phúc Hương	88933386920	BIDV CN Quảng Nam	20.079.188	20.079.188							
51	Lê Văn Hiền	88233386921	BIDV CN Quảng Nam	16.950.162	16.950.162							
52	Phan Văn Nghĩa	88433386922	BIDV CN Quảng Nam	15.633.821	15.633.821							
53	Đoàn Thị Phương	88633386923	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
54	Trần Thị Ngọc Phương	5621023680	BIDV CN Quảng Nam	13.799.017	13.799.017							
55	Đỗ Thị Thuần	88933386924	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
56	Dương Thị Như Trang	88133386925	BIDV CN Quảng Nam	13.196.238	13.196.238							
57	Lê Hồng Sa	88333386926	BIDV CN Quảng Nam	12.327.113	12.327.113							
58	Nguyễn Thị Thanh	88633386927	BIDV CN Quảng Nam	9.350.874	9.350.874							
59	Phan Thị Thanh Vân	88833386928	BIDV CN Quảng Nam	12.327.113	12.327.113							
60	Nguyễn Xuân Tinh	88033386929	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
61	Dương Hồng Hải	88833386930	BIDV CN Quảng Nam	11.691.210	11.691.210							
62	Nguyễn Thị Xuân Đào	88133386931	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
63	Trần Thị Phương Duyên	88333386932	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
64	Dương Thị Ngọc Hà	88533386933	BIDV CN Quảng Nam	15.959.525	15.959.525							
65	Phạm Thị Sen	88833386934	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
66	Phạm Thị Xuân Hiếu	88033386935	BIDV CN Quảng Nam	13.708.544	13.708.544							
67	Bùi Quốc Công	88233386936	BIDV CN Quảng Nam	15.633.821	15.633.821							
68	Châu Thị Hiền	88533386937	BIDV CN Quảng Nam	15.340.034	15.340.034							
69	Nguyễn Thị Ngọc Phạm	88733386938	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
70	Dương Quốc Huy	8807445999	BIDV CN Quảng Nam	9.113.832	9.113.832							
71	Lê Thị Linh	88933386939	BIDV CN Quảng Nam	4.733.118	4.733.118							

XO TAC  
TRUONG  
HOC PHO TH  
TIET LA

*Handwritten signature*

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:					Ghi chú		
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác		Tiền học bổng	
72	Trần Thị Bích Thảo	8873386940	BIDV CN Quảng Nam	8.367.138	8.367.138							
73	Nguyễn Hồ Công Huy	8803386941	BIDV CN Quảng Nam	5.214.807	5.214.807							

Số tiền ghi bằng chữ: Một tỷ, bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng chẵn  
II. Phần thuyết minh thay đổi số với tháng trước: **242.895.425** đồng (thanh toán lương mới theo ND 73/2024/ND-CP)

Thăng Bình, ngày 11 tháng 11 năm 2024

Người lập

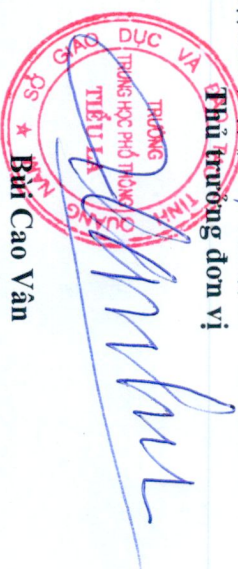


Dương Quốc Huy

Kế toán trưởng



Dương Quốc Huy



Bùi Cao Vân

**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Thăng Bình, ngày tháng năm 2024

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng  
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

